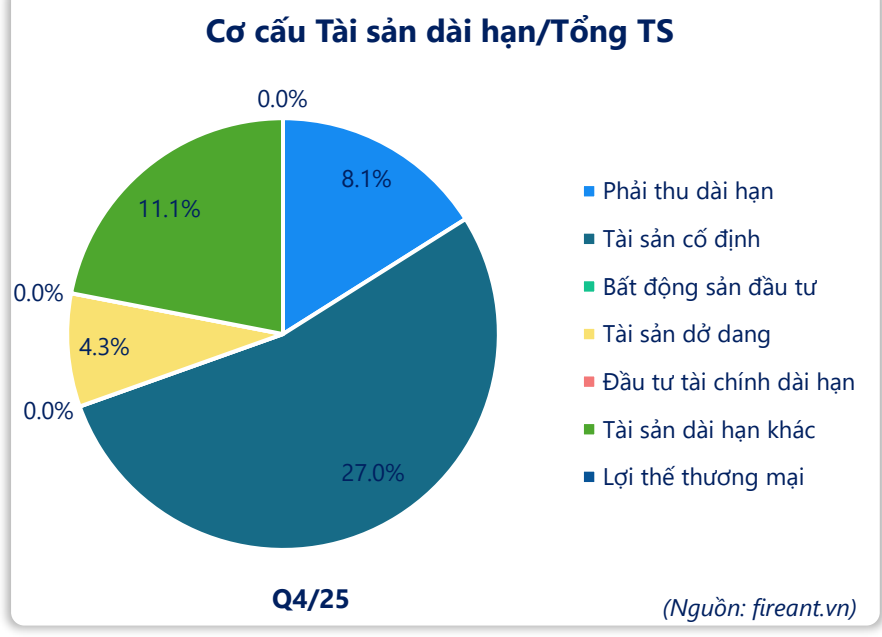
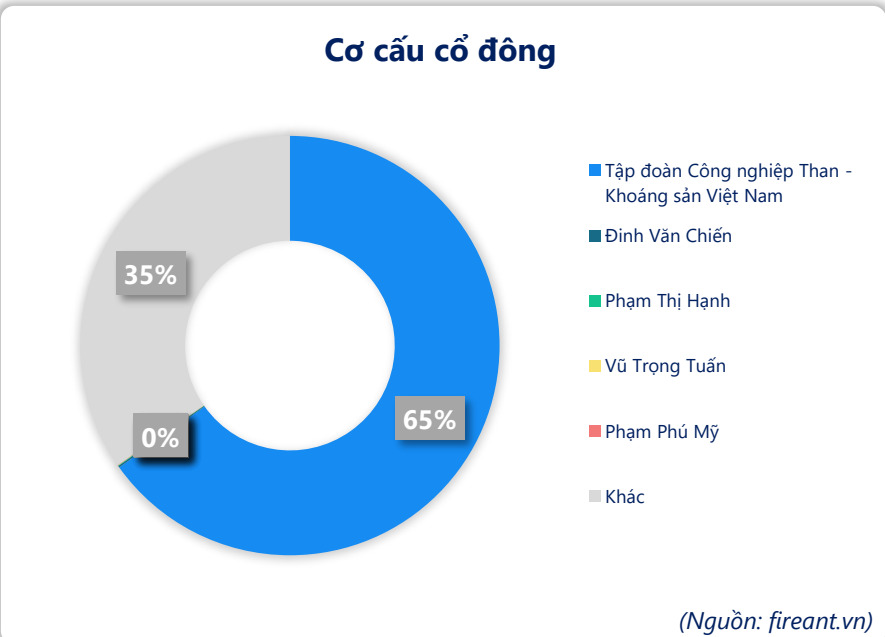
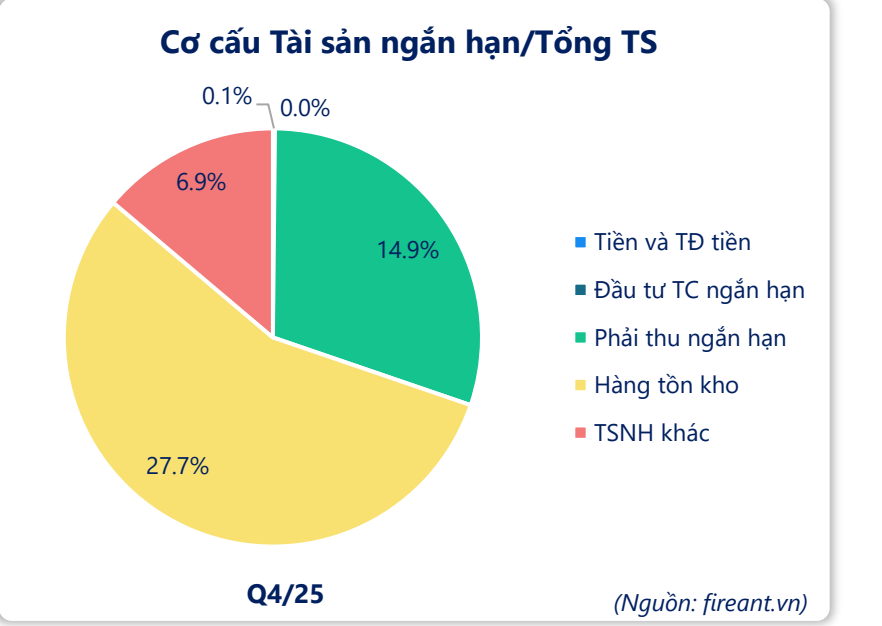
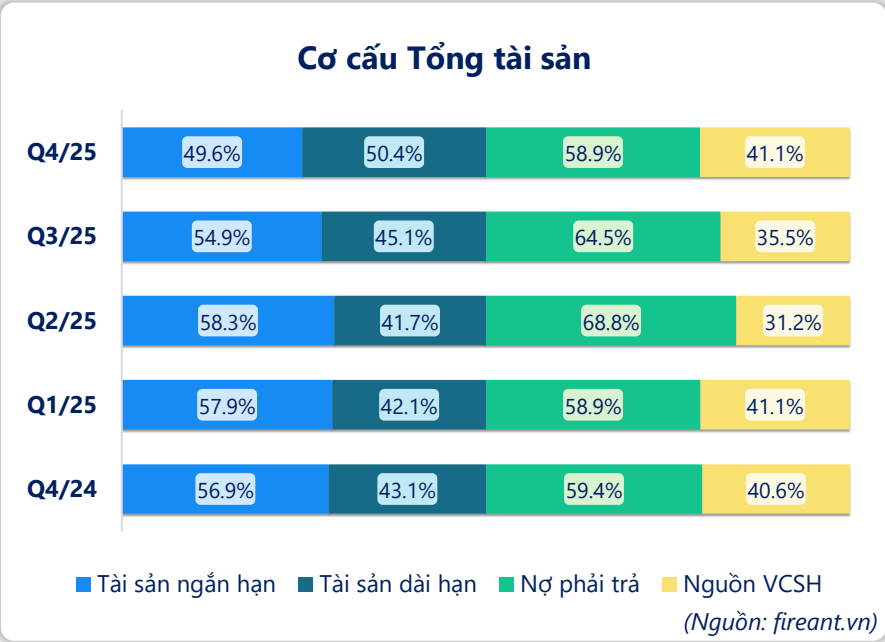
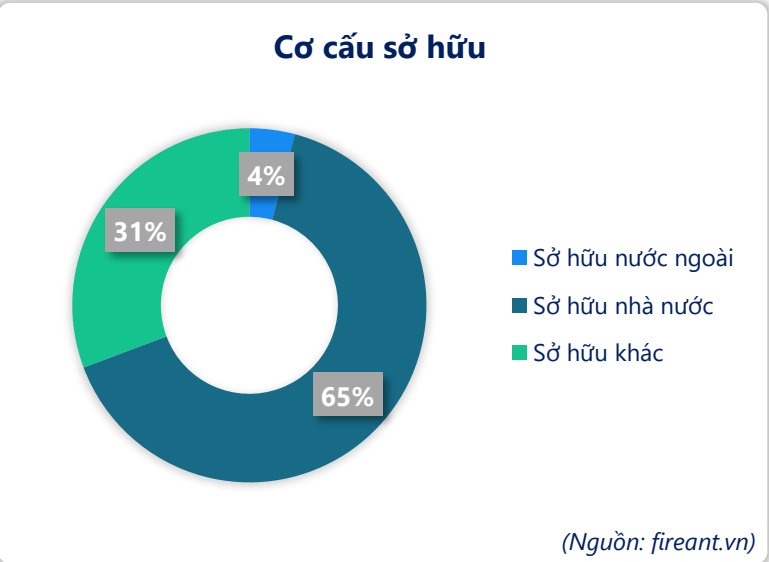
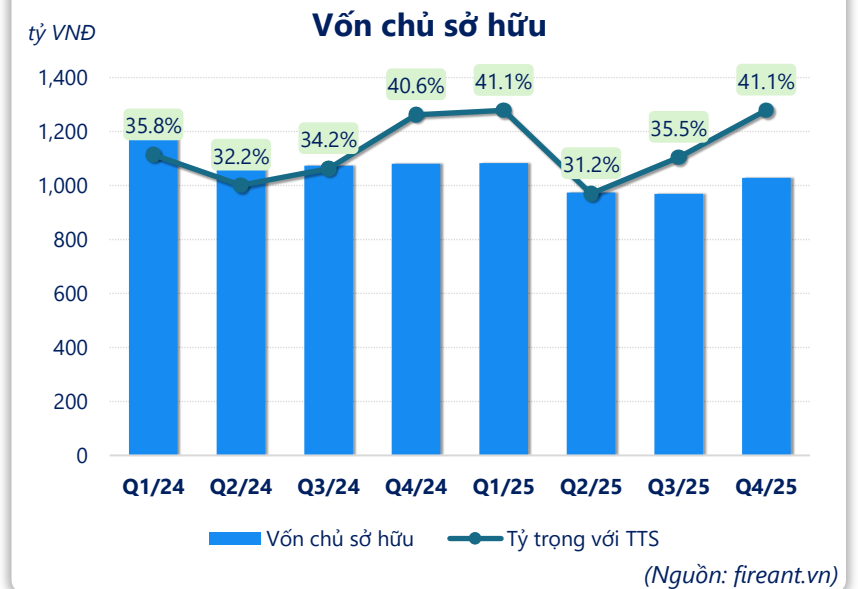
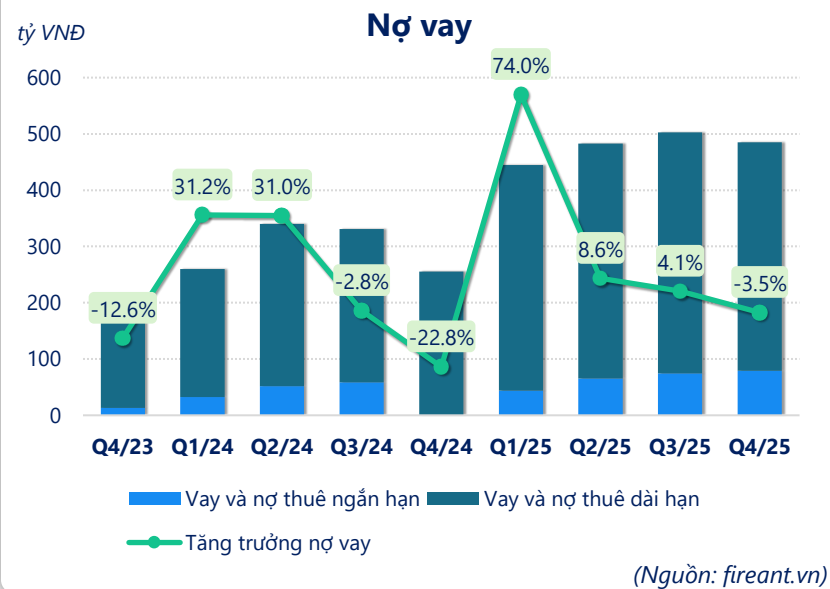
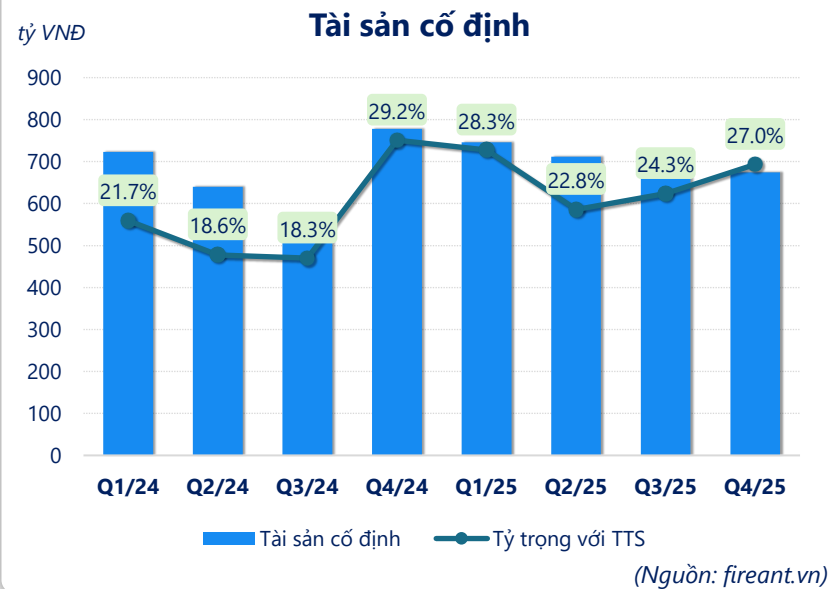
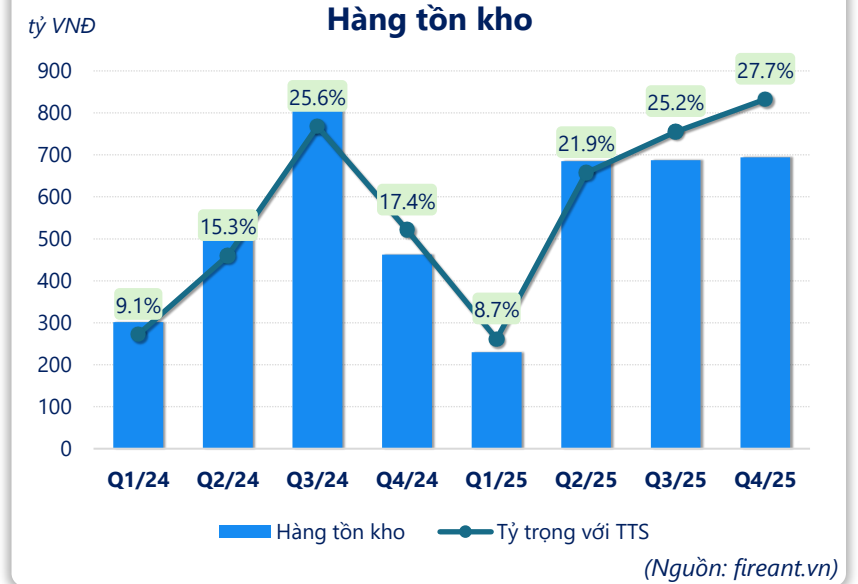
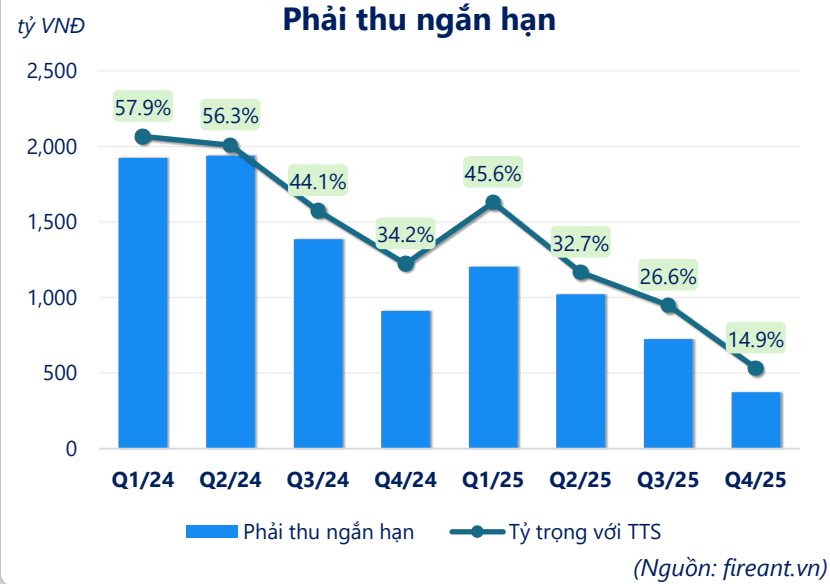
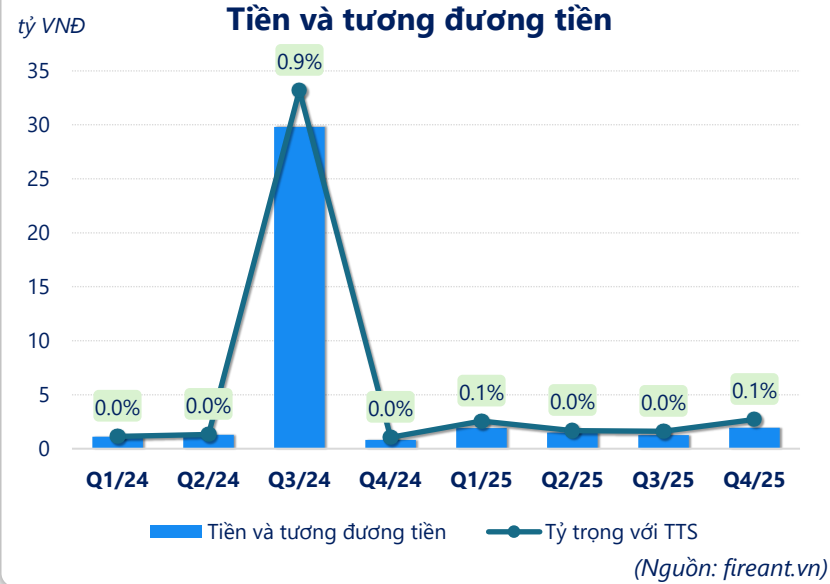
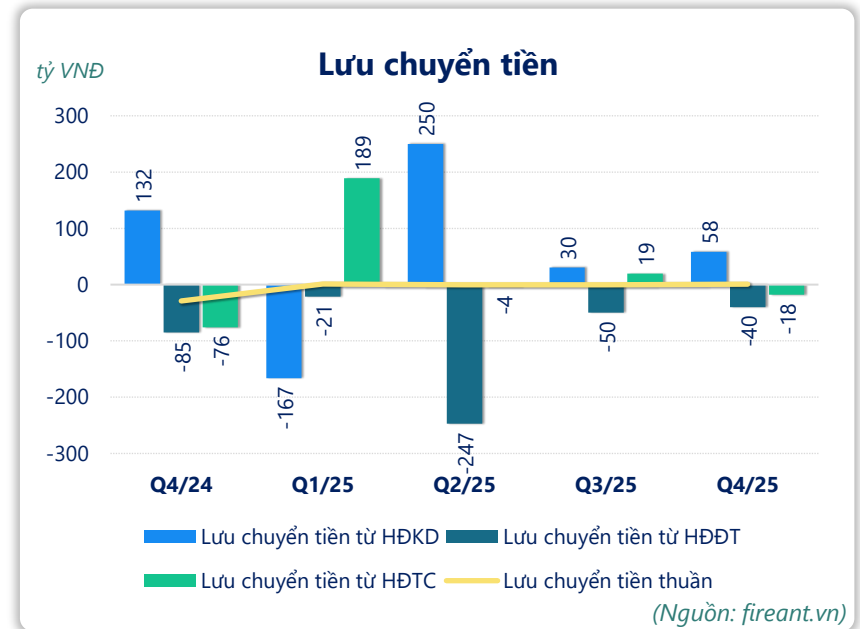
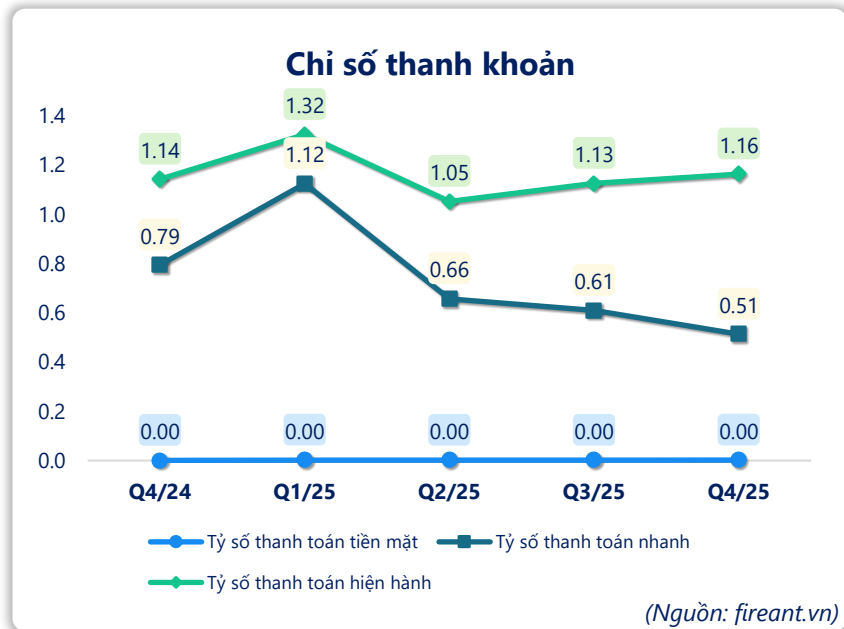
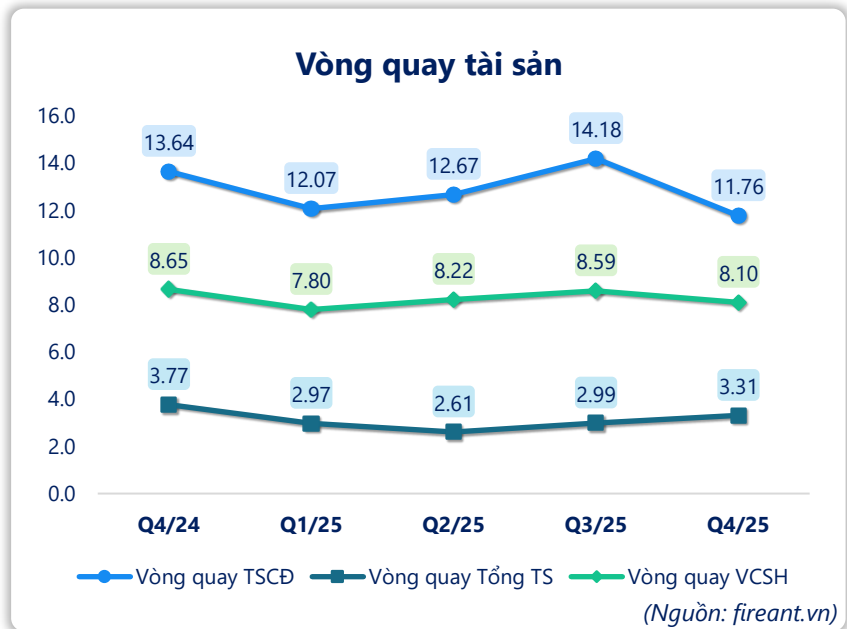
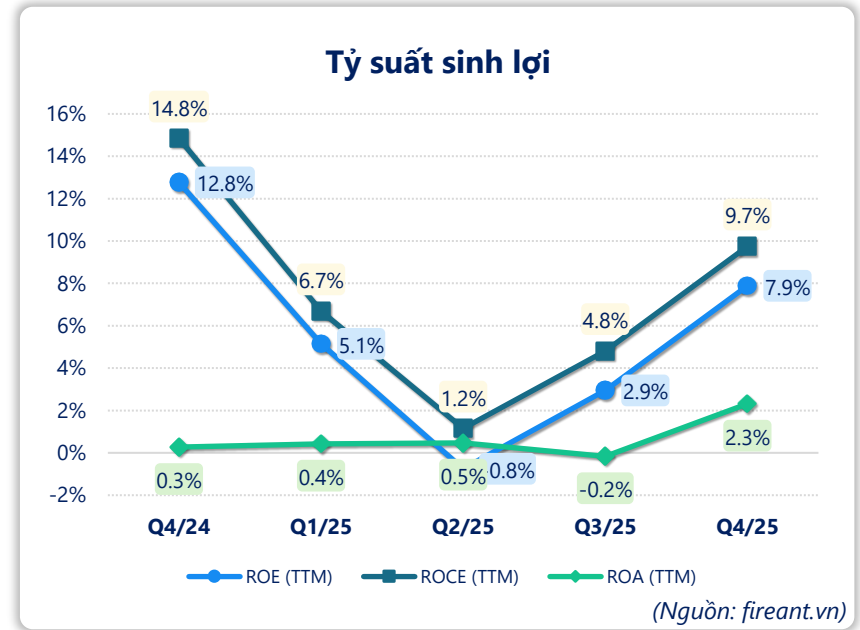
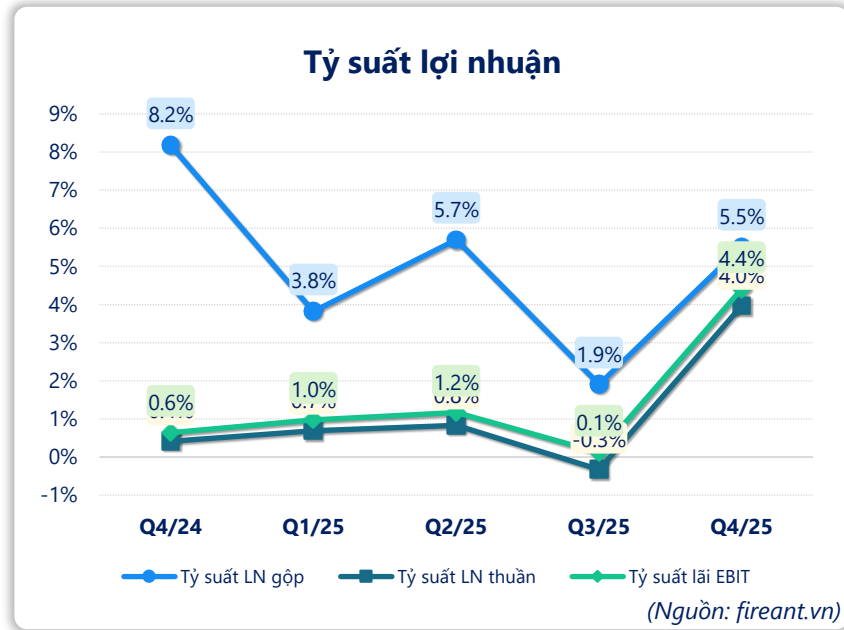
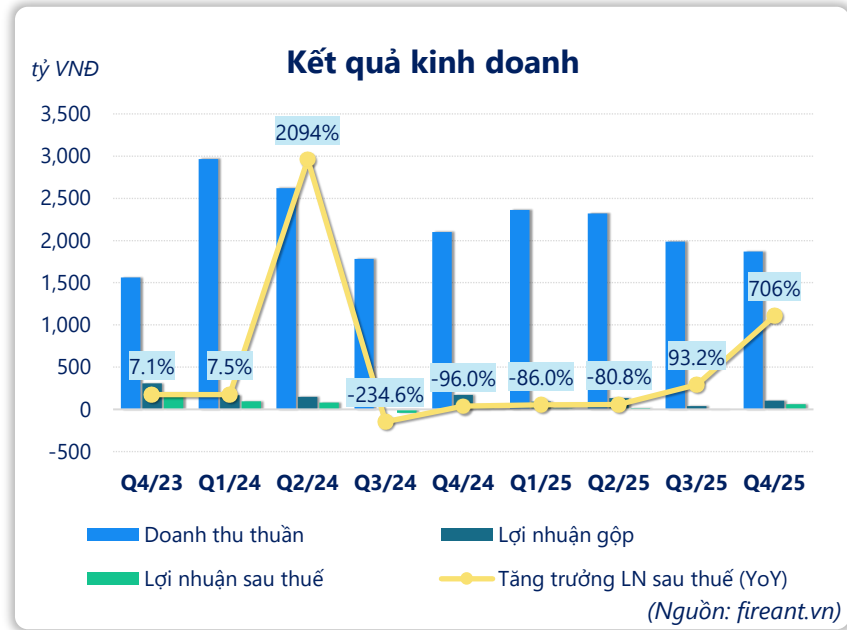


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		42,846,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)		24,380
% sở hữu nước ngoài		4.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		553
P/E		6.6
EPS		1,941

	YTD	1T	3T	6T
CST	-42.8%	-5.1%	-7.2%	-17.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,501	2,651	-5.7%
Tài sản ngắn hạn	1,241	1,499	-17.2%
Tiền và tương đương tiền	1.93	0.80	141%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	374	892	-58.1%
Hàng tồn kho	694	462	50.1%
Tài sản ngắn hạn khác	172	144	19.4%
Tài sản dài hạn	1,260	1,153	9.3%
Phải thu dài hạn	202	191	5.8%
Tài sản cố định	674	783	-13.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	107	27.3	291%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	277	151	83.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,473	1,581	-6.8%
Nợ ngắn hạn	1,067	1,325	-19.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	79.2	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	565	899	-37.2%
Nợ dài hạn	406	255	58.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	406	255	58.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,029	1,071	-3.9%
Vốn chủ sở hữu	1,029	1,071	-3.9%
Vốn điều lệ	428	428	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2,100	2,360	2,320	1,987	1,871
Giá vốn hàng bán	1,928	2,270	2,188	1,950	1,767
Lợi nhuận gộp	172	90.2	132	37.9	103
Doanh thu HĐTC	1.43	1.49	1.52	1.54	1.56
Chi phí TC	4.85	7.11	7.51	7.99	7.78
Chi phí lãi vay	4.85	7.11	7.51	7.99	7.78
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.69	1.03	1.01	0.81	1.20
Chi phí QLDN	158	67.2	106	37.1	21.6
LN thuần từ HĐKD	8.73	16.4	19.3	-6.49	74.2
Lợi nhuận khác	-0.18	-0.37	0.26	0.87	0.45
LN trước thuế	8.55	16.0	19.5	-5.62	74.7
Lợi nhuận sau thuế	6.69	12.7	15.6	-4.91	59.8
LNST của CĐ cty mẹ	6.69	12.7	15.6	-4.91	59.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	132	-167	250	30.1	58.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-85.2	-21.2	-247	-49.9	-40.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-75.7	189	-3.65	19.5	-17.7
Tiền đầu kỳ	29.8	0.80	1.92	1.50	1.25
Lưu chuyển tiền thuần	-29.0	1.12	-0.42	-0.26	0.68
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.80	1.92	1.50	1.25	1.93

(Nguồn: fireant.vn)